

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2020/HS-ST**
Ngày: 30/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Thẩm phán: Ông **Võ Thanh Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Hoàng Duyên**

2. Ông **Nguyễn Văn Quyền**

3. Bà **Trần Thị Ngọc Trân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tiên** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lữ Thị Minh Cảnh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự lý số: 29/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1994, tại Kiên Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp BL B, xã BM, huyện VT, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 7/12; Giới Th: Nam; Tôn giáo: không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Nguyễn Văn M; Mẹ Đỗ Thị Lê H; Chị, em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1997; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày từ ngày 14/11/2019 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư **Nguyễn Văn Lâm** thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người bị hại :*

Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thương mại NNT

Địa chỉ: 290B LQK, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Đại diện theo pháp luật: Ông **Lại Văn Ng**, sinh năm 1987 (có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: 836 Nguyễn Trung Trực, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Võ Thanh T1**, sinh năm 1990 (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: 277 Quốc lộ 80, ấp TH, xã ML, huyện HD, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông **Trần Co Tr**, sinh năm 1992 (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: L6 - C15, khu 16Ha, phường VTV, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

3. Ông **Huỳnh Hữu P**, sinh năm 1981(Vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Khu phố VP 2, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

4. Ông **Quách Quốc C**, sinh năm 1986(Vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Ấp RS 1, xã VP, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

5. Bà **Đỗ Thị Lệ H**, sinh năm 1971 (Mẹ bị cáo, có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Ấp BL B, xã BM, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là tài xế chạy xe dịch vụ, thông qua người quen, T biết Lại Văn Ng- Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thương mại NNT (kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tự lái). T đã nhiều lần hợp đồng thuê xe của Ngọc để chạy dịch vụ, những lần trước đó T thanh toán tiền thuê xe và trả xe đúng hạn theo hợp đồng.

Đến ngày 01/6/2019, T hợp đồng thuê xe Fortuner biển số 67A-081.04 của Ngọc (xe của Trần Co Tr, ký gửi tại Công ty của Ngọc), thuê xe nhằm mục đích chạy thuê bao, thời gian thuê từ ngày 01/6/2019 đến ngày 25/6/2019, giá thuê mỗi ngày 800.000 đồng. Sau đó, T mang xe về Vĩnh Thuận chạy được khoản 10 ngày, thì bị các chủ nợ đòi tiền (do trước đó T thiếu nợ nhiều người khoảng 50.000.000 đồng); T nảy sinh ý định lấy xe Fortuner biển số 67A-081.04 của Ngọc đem cầm cố cho Huỳnh Hữu P, T nói dối với P mới mua xe ô tô nhưng chưa sang tên, muốn cầm

50.000.000 đồng, P tưởng thật nên đồng ý. Nhưng khi có tiền T không trả nợ, mà mang tiền chi xài cá nhân và đánh bạc thua hết.

Đến ngày 24/6/2019 có khách cần thuê xe đi Vũng Tàu, T tiếp tục nói dối Ngọc thuê xe giúp bạn chở khách đi Vũng Tàu 02 ngày 24 và 25/6/2019. Ngọc tưởng thật nên đồng ý hợp đồng cho T thuê xe Fortuner, 07 chỗ, biển số đăng ký: 68A-057.94, giá thuê 800.000 đồng/ngày. Sau khi nhận được xe T không chở khách theo thỏa thuận mà mang đi cầm cho Quách Quốc C ở nhà trọ “Anh Khoa” số tiền 25.000.000 đồng, T nói dối với C mới mua xe ô tô nhưng chưa sang tên, số tiền có được T dùng tiêu xài cá nhân và đánh bạc thua hết.

Ngày 25/6/2019 đến hạn trả xe, T điện thoại cho Ngọc nói dối công việc chưa xong hẹn ngày 26/6/2019 sẽ trả luôn 02 xe, Ngọc đồng ý. Do có khách quen thuê xe Fortuner, 07 chỗ, biển số đăng ký: 68A-057.94 nên Ngọc kêu Phạm Hoài Ân (em vợ của Ngọc) chạy xe ô tô KIA, 07 chỗ, biển số: 68A-103.97 (xe của Võ Thanh T1, ký gửi tại Công ty của Ngọc) đến Vĩnh Thuận đổi xe với T. T mang xe đổi với C lấy xe Fortuner, 07 chỗ, biển số: 68A-057.94 giao lại cho Ân.

Ngày 27/6/2019, Ngọc liên lạc yêu cầu T trả 02 xe theo thỏa thuận, T nói với Ngọc đã mang 02 xe cầm cố lấy tiền tiêu xài hết, hiện không có khả năng chuộc lại xe. Ngày 03/7/2019 Ngọc trình báo Công an sự việc trên, qua làm việc T thừa nhận hành vi vi phạm.

Như vậy, Nguyễn Văn T sau khi hợp đồng thuê 02 xe ô tô của Lại Văn Ngã đã thực hiện hành vi gian dối, cầm cố lấy số tiền 75.000.000 đồng tiêu xài cá nhân và đánh bạc hết. Qua định giá, trị giá 02 xe là 1.689.759.663 đồng. Hiện tại bị Cn chưa thanh toán số tiền thuê xe cho người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội 02 lần trở lên (điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự).

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và truy tố, bị Cn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

* Vật chứng trong vụ án, xử lý vật chứng:

- 01 (một) chìa khóa xe và 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại xe ô tô con, màu sơn trắng, số loại Fortuner, dung tích 2.393 cc, số chỗ ngồi 07, biển số đăng ký 67A-081.04, xe qua sử dụng. Do Huỳnh Hữu P giao nộp ngày 03/7/2019.

- 01(một) chìa khóa xe và 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại xe ô tô con, màu sơn trắng, số loại Rondo, dung tích 1.999 cc, số chỗ ngồi 07, biển số đăng ký 68A-103.97, xe qua sử dụng. Do Quách Quốc C giao nộp ngày 03/7/2019.

Ngày 20/7/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thuận xử lý vật chứng, trả lại 02 xe trên cho chủ sở hữu Lại Văn Ngdo Phạm Hoài Áđại diện theo ủy quyền của Lại Văn Ng nhận lại 02 xe nói trên.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 24/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận kết luận: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại xe ô tô con, màu sơn trắng, số loại Fortuner, dung tích 2.393 cc, số chỗ ngồi 07, biển số đăng ký 67A-081.04, xe mua vào tháng 02/2017, thời gian khấu hao là 02 năm. Giá trị còn lại của xe là $86,66\% \times 1.142.423.000$ đồng = 990.024.118 đồng.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 24/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận kết luận: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại xe ô tô con, màu sơn trắng, số loại Rondo, dung tích 1.999 cc, số chỗ ngồi 07, biển số đăng ký 68A-103.97, xe mua vào tháng 08/2018, thời gian khấu hao là 01 năm. Giá trị còn lại của xe là $93,33\% \times 749.743.400$ đồng = 699.735.515 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản là: 1.689.759.663 đồng

Bản Cáo trạng số: 12/CT-VKSTKG-P1, ngày 29/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Lạm dụng T nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Nguyễn Văn T thông qua việc hợp đồng thuê xe ô tô, sau đó cầm cố tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân và đánh bạc, không có khả năng chi trả, chiếm đoạt số tiền 1.689.759.663 đồng của người bị hại là phạm vào tội “Lạm dụng T nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa, bà Đỗ Thị Lệ H mẹ bị cáo và anh Ngọc thừa nhận bà Hoa đã bồi thường khắc phục hậu quả cho anh Ngọc số tiền 10.000.000 đồng là số tiền thiệt hại do xe bị Công an tạm

giữ, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tình tiết tăng nặng phạm tội từ 02 lần trở lên tại điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 07 năm tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả số tiền đã chiếm đoạt, cho bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan sau:

- Lại Văn Ng số tiền thuê xe là 12.200.000 đồng (tiền thuê xe 67A-081.04 là 10 ngày, số tiền 8.000.000 đồng; tiền thuê xe 68A-103.97 là 6 ngày, số tiền 4.200.000 đồng);

- Huỳnh Hữu P số tiền cầm xe là 50.000.000 đồng;

- Quách Quốc C số tiền cầm xe là 25.000.000 đồng;

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất đối với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Xét bị cáo phạm tội cũng do hoàn cảnh khó khăn, từ đó dẫn đến hành vi phạm tội. Xem xét lại việc bị cáo dùng tài sản chiếm đoạt vào việc trả nợ, chứ không phải là bất hợp pháp. Nếu bị cáo đánh bạc phải có người đánh cùng mới có đủ cơ sở kết luận. Vấn đề này chưa được thẩm tra, xác minh làm rõ. Bị cáo tự thú với anh Ngọc đem xe đi cầm, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ tự thú; 02 chiếc xe thu hồi trả lại cho người bị hại nên mức độ thiệt hại không lớn, nên áp dụng điểm g, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; ông nội của bị cáo là thương binh. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho người bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự các tình tiết giảm nhẹ xử phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại anh Ngọc, yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về mức bồi thường thiệt hại trong thời gian 02 chiếc xe bị Công an tạm giữ để điều tra nên có thiệt hại xảy ra, mẹ của bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng. Nay yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền thuê xe còn thiếu là 12.200.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận, lợi dụng lòng tin của người bị hại nên bị cáo đứng ra ký hợp đồng thuê xe chạy dịch vụ sau đó chiếm đoạt hai xe ô tô có giá trị 1.689.759.663 đồng, đem xe cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ. Hành vi này của bị cáo T đã đủ yếu tố phạm tội “Lạm dụng T nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác trái pháp luật. Thời gian đầu bị cáo T nhiều lần hợp đồng thuê xe của anh Ngọc để chạy dịch vụ, thanh toán tiền thuê xe và trả xe đúng hạn theo hợp đồng tạo được lòng tin uy T đối với anh Ngọc. Sau đó bị cáo bắt đầu nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người bị hại.

Với thực trạng lợi dụng hình thức thuê xe chạy dịch vụ, để sau đó cầm cố cho người khác chiếm đoạt tài sản diễn ra phổ biến trong quần chúng nhân dân như hiện nay, nên hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm. Trên cơ sở đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét quyết định mức án tương xứng nhằm răn đe giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần thực hiện việc chiếm đoạt tài sản nên áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mẹ của bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả số tiền 10.000.000 đồng cho người bị hại và anh Ngọc là người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và

khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố, xét xử cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[6] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về yêu cầu của người bị hại: Yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo, thống nhất về tội danh của bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho người bị hại là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận. Luật sư đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ phạm tội do hoàn cảnh khó khăn; bị cáo tự thú với anh Ngọc đem xe đi cầm, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ tự thú; xe được thu hồi trả lại cho người bị hại nên mức độ thiệt hại không lớn, áp dụng điểm g, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không có cơ sở để chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Ngày 20/7/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thuận xử lý vật chứng, trả lại 02 xe số loại Fortuner và KIA cho Lại Văn Ngdo Phạm Hoài Ân đại diện theo ủy quyền của Lại Văn Ng nhận xong, người bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền cho bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau:

- Lại Văn Ngsố tiền thuê xe là 12.200.000 đồng (tiền thuê xe 67A-081.04 10 ngày là 8.000.000 đồng; tiền thuê xe 68A-103.97 6 ngày là 4.200.000 đồng);
- Huỳnh Hữu P số tiền cầm xe là 50.000.000 đồng;
- Quách Quốc C số tiền cầm xe là 25.000.000 đồng.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Bị cáo phải chịu án phí giá ngạch 5% trong tổng số tiền phải hoàn trả 87.200.000 đồng là 4.360.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 4 Điều 175, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lạm dụng T nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 05 (Năm) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được Th từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 14/11/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền như sau:

- Lại Văn Ngổ số tiền thuê xe là 12.200.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng);

- Huỳnh Hữu P số tiền cầm xe là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

- Quách Quốc C số tiền cầm xe là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí có giá ngạch là 4.360.000 đồng. Tổng án phí là 4.560.000 đồng (Bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

4. Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2020). Đối với người vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND Cấp Co tại Tp. HCM;
- TAND Cấp Co tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh KG;
- Sở Tư pháp tỉnh KG;
- THA tỉnh KG;
- Cơ quan điều tra tỉnh KG;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ C tỉnh KG;
- Trại tạm giam - C tỉnh KG;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Luật sư;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Hồng